

TRẦN THỊ THÚY NGỌC*
TRỊNH THỊ HẰNG**

TÔN GIÁO VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG - TRƯỜNG HỢP KHU VỰC TÂY NAM BỘ

Tóm tắt: Tôn giáo thấm đẫm trong tâm thức, điều chỉnh hành vi, lối sống, đạo đức của tín đồ tôn giáo. Tôn giáo đã tác động, ghi dấu ấn văn hóa của mình lên các loại hình văn hóa dân tộc nói chung, nghệ thuật dân tộc nói riêng. Văn hóa tôn giáo hiện diện trong đời sống kinh tế, chính trị, xã hội, góp phần tạo nên sự đồng thuận, hòa hợp xã hội, đoàn kết dân tộc, bình đẳng giới, thúc đẩy phát triển nền kinh tế thị trường, giải quyết vấn đề an sinh xã hội, từ thiện nhân đạo, bảo vệ môi trường,... Trong bài viết này, các tác giả tập trung tìm hiểu những xu hướng chung cho sự phát triển tôn giáo trên thế giới hiện nay, trên cơ sở đó chỉ ra những tác động của nó đến phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay, đặc biệt là đối với sự phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ.

Từ khóa: Tôn giáo; phát triển bền vững; Việt Nam; Tây Nam Bộ.

1. Tôn giáo trong thế giới đương đại

Từ thế kỷ XIX đến những năm 70 của thế kỷ XX, tôn giáo vẫn được xem như một trong những thứ sẽ mất đi chẳng sớm thì muộn. Phong trào Khai sáng, xu thế thế tục hóa tôn giáo, khoa học và các ngành xã hội nhân văn phát triển khiến người ta ngộ nhận rằng, chúng có thể thay thế những nhu cầu của con người về tôn giáo, tôn giáo không còn hợp thời và còn nhiều vấn đề. Nhưng đến nay, điều ngược lại đang diễn ra.

Tôn giáo đang phát triển trên phạm vi toàn cầu với mức độ chưa từng thấy. Tôn giáo đang lan rộng khắp nơi, đi cùng với nó là sự phổ biến của triết lý nhân sinh và thế giới quan. Trong cuốn *God is Back*

* Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

** Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Ngày nhận bài: 15/10/2018 ; Ngày biên tập: 19/10/2018; Ngày duyệt đăng: 26/10/2018.

có viết: “Vào năm 2050, Trung Quốc có thể là quốc gia Islam giáo cũng như quốc gia Kitô giáo lớn nhất”. Trong một thế giới đang chuyển động liên tục, tôn giáo cũng lan tỏa trên khắp thế giới do sự di cư. Mọi người có mặt ở mọi nơi, trước đây người ta di cư là để thoát khỏi hoàn cảnh khó khăn, còn ngày nay là do sự phát triển của các công ty và tập đoàn đa quốc gia hoặc du học, hoặc kết hôn, bên cạnh lí do thoát ly khỏi môi trường sống không phù hợp,... Trong quá trình di chuyển và di cư toàn cầu, người ta mang theo tôn giáo của mình. Sự di cư có thể được xem là một sắc thái của tiến trình toàn cầu hóa, và kéo theo nó là sự ảnh hưởng tới phát triển văn hóa, văn minh, tới chính sách của chính phủ, tới kinh tế và quan hệ quốc tế,... Trong quá trình hội nhập quốc tế, Việt Nam cũng tham gia với tính chất chủ động về quan hệ quốc tế và mở rộng về kinh tế, do đó, sự di cư cũng sẽ xuất hiện và theo đó là sự lan tỏa và chuyển đổi của tôn giáo.

Một trong những yếu tố ảnh hưởng nữa là sự phát triển mạnh mẽ của thương mại toàn cầu trên nền tảng công nghệ. Con người giao dịch, kết nối trao đổi thông tin với nhau với tốc độ nhanh chóng. Thế giới ở trong trạng thái tương liên chưa từng có. Vấn đề của một quốc gia giờ không chỉ gói gọn trong quốc gia đó mà còn gây sự chú ý, quan tâm và có sức ảnh hưởng đến khu vực và thế giới. Tình trạng biệt lập dần dần bị xóa nhòa trong tiến trình toàn cầu, thế giới đang trở thành một “ngôi làng nhỏ”, hay một “thế giới phẳng” với tốc độ phủ và xử lý các vấn đề rất nhanh chóng. Trong sự tương liên đó, tôn giáo cũng xích lại gần nhau để tăng thêm sức mạnh phục vụ xã hội, những chủ đề đối thoại liên tôn giáo, đối thoại giữa tôn giáo và nhà nước, sự chuyển đổi của tôn giáo trong nền kinh tế toàn cầu,... là những chủ đề nóng để nhìn nhận việc tôn giáo có thể thích ứng và chuyển mình trong bối cảnh mới như thế nào. Tốc độ của truyền thông và các nền tảng xã hội ảo đã khiến thông tin đại chúng phát triển chưa có tiền lệ và sự kết nối thông tin từ khắp mọi nơi trên thế giới. Đây cũng là một kênh quan trọng để tôn giáo phát huy và mở rộng sức tuyên truyền, ảnh hưởng của mình.

Cùng với quá trình toàn cầu hóa và di cư, có một hiện tượng mất gốc xảy ra trong đời sống con người và người ta khao khát tìm kiếm sự ổn định, đặc biệt là sự yên ổn về tinh thần, mà theo cách gọi tôn giáo là “an ninh tinh thần”. Đức tin và tôn giáo trở thành một biện

pháp giữ được gốc văn hóa và sự yên ổn trong thế giới biến động mau chóng. Đức tin và tôn giáo là những thứ có thể giúp người ta lý giải được sự khổ đau và xử lý được sự lạc lõng và cô đơn trong một môi trường sống khác lạ với những lo toan tất bật.

“Quá trình toàn cầu đã dồn hầu như cả thế giới vào chung một dòng thác của thay đổi và lựa chọn, vì thế nhiều quốc gia truyền thống trước đây giờ đang gắng sức làm quen với các vấn đề hiện đại vốn truyền thống và tập quán của họ đã không có sự chuẩn bị sẵn”¹. Với Việt Nam, điều này càng được chứng minh khi nhiều thay đổi không thấy trước, khó dự đoán và khó tránh khỏi đang diễn ra trong quá trình hội nhập toàn cầu. Để thích ứng được khoảng cách giữa truyền thống với sự xâm lấn của toàn cầu hóa, sự phát triển lành mạnh của tôn giáo có thể mang lại sự nối kết và chuyển đổi với ít “thương tật” nhất.

Như vậy, tôn giáo không mất đi trong giai đoạn toàn cầu hóa, vậy nó có thể làm gì cho xã hội?

Thứ nhất, sẽ là đúng đắn khi chúng ta nhìn nhận tôn giáo là một đối tác thay vì là trở ngại cho sự tăng trưởng và phát triển. Con người có quyền tự do lựa chọn niềm tin, và toàn quyền sở hữu sự sáng tạo suy nghĩ của trí óc, đây là một trong những quyền cơ bản đầu tiên của con người, và vì thế, tự do tín ngưỡng cũng nằm trong quyền cơ bản đó.

Thứ hai, tôn giáo cung cấp một nền tảng đạo đức cho xã hội. Những người có tín ngưỡng và tín đồ tôn giáo đều tuân theo quy tắc đạo đức do đức tin của mình gây dựng. Những bộ quy tắc đạo đức này thúc đẩy tính liêm chính, thành thực của tu dưỡng nội tâm và quy tắc ứng xử với mọi người xung quanh. Kitô giáo, Do Thái giáo, Khổng giáo, Phật giáo,... đều cung cấp một nền tảng đạo đức chống lại sự suy thoái đạo đức, trộm cắp và các hành vi xấu khác. Bằng việc gây dựng niềm tin lành mạnh, tôn giáo cũng góp phần mạnh mẽ trong việc xây dựng ý thức trách nhiệm với cộng đồng và xã hội: “Phục vụ cộng đồng là một phần thiết yếu của trách nhiệm công dân”, trong tư cách của tôn giáo, ý thức trách nhiệm này được nhân đôi khi người ta không chỉ chịu trách nhiệm trước pháp luật mà còn trước đức tin của mình.

Thứ ba, tôn giáo thường mang lại bình an về mặt tinh thần và cảm xúc cho tín đồ và người dân. Những bệnh về tinh thần và cảm xúc là một thực tế trong các nền văn hóa hiện nay. Lối sống nhanh, dễ thay đổi kéo theo sự mất mát, thất nghiệp, những bất ổn toàn cầu đều là những nguyên nhân đem tới sự lo lắng, căng thẳng trong đời sống tinh thần của con người trên toàn thế giới.

Thứ tư, tôn giáo có khả năng liên kết xã hội rộng rãi, bản thân tôn giáo không chỉ duy trì một mạng lưới rộng trong các thành phố, quốc gia và thế giới về mặt địa lý, mà còn có thể nối kết được nhiều tầng lớp, thành phần xã hội thông qua hoạt động tôn giáo. Tôn giáo có thể trợ lực trong việc khởi nghiệp, giáo dục và nhiều lĩnh vực an sinh xã hội. Thông qua năng lực kết nối này mà tôn giáo có thể huy động và sản sinh nhiều nguồn lực đóng góp cho xã hội, đặc biệt khi đứng trước các vấn đề khủng hoảng hoặc thiên tai. “Các tôn giáo trên thế giới thiết lập các mạng lưới kết nối con người trên cơ sở chung những tầm nhìn về đời sống tốt đẹp trên mức độ toàn cầu. Nhưng các tôn giáo thế giới thậm chí chia sẻ một thứ gì còn có động lực hơn nữa cho lịch sử của toàn cầu hóa..., tất cả họ đều theo cách riêng của mình dạy về sự thống nhất căn bản của toàn thể nhân loại”².

Thứ năm, tôn giáo có thể hỗ trợ nhà nước trong vận động quần chúng, hay nói cách khác là đối ngoại nhân dân. Tôn giáo khi được gắn kết sẽ trở thành một phần của nhà nước và quốc gia, là đối tác giữ quan hệ công chúng cho chính phủ. Đây là điểm nhìn có tính chiến lược để định hướng sự phát triển lâu dài cho tôn giáo. Vấn đề cả tôn giáo và nhà nước cùng đối mặt không phải là sự phân chia hay tranh chấp ảnh hưởng, mà là vấn đề văn hóa, đạo đức, sự cố kết xã hội. Khai thác ý thức chung tay góp sức vì một trách nhiệm chung giúp tăng cường sự ổn định xã hội và cả chính trị từ phía tôn giáo.

Tôn giáo cũng như các thiết chế khác có những tác động kéo theo đi kèm thách thức. Cần thiết lập một mối quan hệ có hiệu quả giữa nhà nước, xã hội và tôn giáo như một chỉnh thể. Công việc cần làm không phải là nhấn vào những khác biệt và đặc thù do tôn giáo mang lại, mà cần hướng sự quan tâm đến lợi ích chung và những phương tiện giúp giải quyết những khác biệt đó. “Nếu tôn giáo là một phần của vấn đề, thì nó cũng là một phần của giải pháp”.

Trong mối quan hệ giữa nhà nước và tôn giáo, xét về bản phân, tôn giáo cần tôn trọng pháp quyền và nhà nước, không nhất thiết đẩy đến cực đoan của việc phải đưa ra lựa chọn hoặc tôn giáo hoặc nhà nước. Muốn trở thành một tín đồ tốt, trước hết, họ cần trở thành một công dân tốt. Chức sắc tôn giáo và những học giả tôn giáo cần có mối liên hệ mật thiết để đảm bảo những quy tắc chuẩn trong việc truyền bá niềm tin, tín ngưỡng, vì nó có thể trở thành thách thức khi vấn đề niềm tin bị lợi dụng trong quá trình truyền đạo. Do đó, vấn đề giáo dục tại các tự viện, chủng viện tôn giáo là rất quan trọng, để đảm bảo việc hướng dẫn tôn giáo cho các chức sắc tôn giáo tương lai theo một mức chuẩn mà cả tôn giáo và nhà nước cùng chấp nhận.

Bản thân nhà nước, trong vấn đề thực thi luật pháp ở cấp địa phương cũng cần có sự nhất quán giữa việc phân chia đầu là luật, đầu là các quyền của tôn giáo, và nhận định rõ ranh giới giữa chúng. Nếu không, sẽ gây ra sự lúng túng cho chính quyền và thậm chí các điểm nóng tôn giáo phát sinh từ vấn đề dân sự.

Một điểm thách thức nữa, đó là chúng ta đang sống trong một thế giới đa dạng, do vậy, bản thân tôn giáo cũng cần xác định vị trí của mình trong tư thế đối thoại với các tôn giáo khác. Nếu một tôn giáo muốn phát triển bền vững trong thế kỷ XXI, nó cần phải học cách đối thoại và tôn trọng các tôn giáo khác. Xung đột lớn nhất không phải giữa tôn giáo với chính quyền, mà xuất phát từ xung đột lẫn nhau. Các tôn giáo không nhất thiết phải đồng thuận với nhau, nhưng cần tôn trọng lẫn nhau. Mỗi tôn giáo có những thứ duy nhất về đức tin cần được tuân theo, nhưng đồng thời cũng tôn trọng các đức tin khác.

Trong thế giới đa trung tâm hiện nay, một tôn giáo có thể có tính chất toàn cầu xuất hiện trong nhiều địa phương, khu vực. Điều quan trọng là tính chất quốc gia, dân tộc của tôn giáo đó cần được ưu tiên ở các giáo phận của quốc gia đó, cần đặt trọng tâm và sự phát triển bên trong quốc gia mình thay vì phát triển ra tín đồ bên ngoài ở quốc gia khác. Nếu xét trong mối tương liên giữa tôn giáo và nhà nước, cần phải có sự tôn trọng đối với tôn giáo địa phương và nhà nước của quốc gia mà tôn giáo toàn cầu đó đang phát triển.

Triển vọng của tôn giáo được các học giả quan tâm là nó tiến vào thế giới hiện đại với chức năng một đối tác có khả năng cung cấp các dịch vụ xã hội và thể hiện tinh thần trách nhiệm công dân trước xã hội.

Tiếp đến, tinh thần nhập thế, dân thân của tôn giáo cần được đặc biệt đề cao và thậm chí là một đòi hỏi trong những xã hội hiện đại. Tôn giáo đang chuyển dần trạng thái từ các vấn đề diễn ngôn một cách trí tuệ về niềm tin và các vấn đề của tinh thần, tư tưởng, cũng như thờ phụng, sang việc chung tay xây dựng trong hiện thực phục vụ lợi ích của đông đảo xã hội. Thông qua những hoạt động hiện thực, mà sự liên thông, đối thoại tôn giáo được mở ra. Câu hỏi lớn được đặt ra cho sự phát triển tôn giáo chính là làm thế nào để đức tin này có thể mang lại tiến bộ cho xã hội.

Một vấn đề vừa có tính thách thức vừa có tính triển vọng nữa là làm thế nào để mối liên hệ giữa nhà nước và tôn giáo phải đạt đến độ tôn trọng lẫn nhau, khiến cho tôn giáo không thực hành đức tin của mình một cách cô lập mà được hội nhập vào cộng đồng xã hội rộng lớn trong đất nước. Chính vì thế, xây dựng một ngôn ngữ đức tin đồng hành với ngôn ngữ về trách nhiệm công dân là một đòi hỏi cho sự phát triển tương thuộc lẫn nhau của hai thiết chế này.

2. Tôn giáo khu vực Tây Nam Bộ và giải pháp phục vụ phát triển bền vững

Trong thời kỳ hội nhập, giao lưu quốc tế và kinh tế thị trường hiện nay, các tôn giáo ở Việt Nam đang và sẽ trở thành một nguồn lực vật chất và tinh thần để phát triển xã hội, đóng góp vào các lĩnh vực văn hóa, xã hội, cộng đồng trách nhiệm với toàn thể dân tộc trong phát triển bền vững đất nước.

Nghị quyết số 24-NQ/TW chứa đựng nhiều nội dung quan trọng, trong đó các nội dung sau đây được coi là cốt lõi: *Một là*, tôn giáo là nhu cầu tinh thần khách quan của một bộ phận quần chúng nhân dân; *Hai là*, đạo đức tôn giáo có nhiều điểm phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới; *Ba là*, nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động đồng bào có đạo; *Bốn là*, làm tốt công tác tôn giáo là trách nhiệm của toàn hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Nghị quyết số 25/2003/NQ-TW, ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX đã nhấn mạnh: “Giải quyết việc tôn giáo thực hiện chủ trương xã hội hóa các hoạt động y tế, văn hóa, xã hội, giáo dục của Nhà nước theo nguyên tắc khuyến khích các tôn giáo đã được Nhà nước thừa nhận tham gia phù hợp với chức năng, nguyên tắc tổ chức của mỗi tôn giáo và quy định của pháp luật. Cá nhân tín đồ, chức sắc, chức việc, nhà tu hành tham gia với tư cách công dân thì được Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện thực hiện theo quy định của pháp luật”.

Ngoài việc đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo chân chính của nhân dân, sau 5 năm thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW, các hoạt động xã hội, từ thiện của tôn giáo được đẩy mạnh đáng kể. Chỉ tính riêng năm 2007, các tổ chức tôn giáo đã quyên góp được hàng ngàn tỷ đồng giúp đỡ các gia đình khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, giúp đỡ các trường mẫu giáo, nhà trẻ, trung tâm, phòng khám chữa bệnh miễn phí cho nhiều đối tượng gặp khó khăn trong cuộc sống.

Chủ trương cho phép các tôn giáo có tư cách pháp nhân tham gia hoạt động xã hội, từ thiện theo quy định của pháp luật đã giúp các tôn giáo phát huy được lợi thế của mình tham gia giải quyết một số vấn đề nảy sinh trong cuộc sống. Nhờ đó, khối đoàn kết đạo - đời được tăng cường, những mặc cảm phát sinh do sự khác biệt về đức tin trong các cộng đồng dân cư được khắc phục từng bước, góp phần làm thất bại âm mưu chia rẽ của các thế lực chính trị thù địch.

Tây Nam Bộ là vùng đất có vị trí chiến lược đối với sự phát triển đất nước. Tây Nam Bộ gồm 12 tỉnh và Thành phố Cần Thơ, chiếm 12% diện tích cả nước, hải phận rộng 360 nghìn km², dân số 18 triệu người (chiếm 21% dân số cả nước). người Kinh chiếm 90% dân số, Khmer 7%, Hoa 1,2%, Chăm 0,07%. Toàn vùng có 7 tôn giáo với hơn 30 hệ phái.

Mỗi thành phần dân tộc hay tộc người đến đây sinh sống mang theo cả tôn giáo, tín ngưỡng truyền thống của cộng đồng mình. Sự hình thành và phát triển của các cộng đồng dân tộc tại chỗ kéo theo những biến động, biến đổi không ngừng của tín ngưỡng, tôn giáo Tây Nam

Bộ. Từ sau Đổi mới, cùng với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, tín ngưỡng tôn giáo ở khu vực Tây Nam Bộ đã và đang có những chuyển đổi mạnh mẽ theo cả chiều tích cực lẫn tiêu cực.

Sự đa dạng về dân tộc, văn hóa, tín ngưỡng tôn giáo đã làm phong phú bản sắc, là ưu thế cho phát triển, nhưng mặt khác, cũng tiềm ẩn những động lực cho các phong trào xã hội và hiện tượng tín ngưỡng tôn giáo mới. Cơn lốc kiếm tiền và sự may rủi của thời buổi kinh tế thị trường đã khiến một bộ phận cư dân trong vùng đi tìm sự độ trì của lực lượng siêu nhiên. Các nhóm hoạt động tôn giáo gia tăng ảnh hưởng, các giáo phái nước ngoài thâm nhập ngày càng nhiều đã và đang tác động mạnh mẽ ở các vùng dân tộc Khmer, Hoa, Chăm và các cộng đồng dân tộc thiểu số mới đến Tây Nam Bộ, chứa đựng tiềm năng phát triển lẫn nguy cơ gây mất ổn định xã hội và an ninh quốc gia. Tuy nhiên, trong một thời gian dài, sự biến đổi tôn giáo của các dân tộc thiểu số ở vùng này chưa được quan tâm đầy đủ.

Thực tế đã và đang diễn ra ở Tây Nam Bộ cho thấy có một bộ phận người Khmer theo Phật giáo Nam tông sang Phật giáo Bắc Tông, và đã hình thành ngày càng rõ cộng đồng tín đồ Khmer Công giáo và đạo Tin lành (Trà Vinh và Sóc Trăng). Người Chăm vốn theo Islam giáo truyền thống nay đã có thêm Islam mới (tại An Giang, Islam gốc Arab). Cộng đồng Nhất quán đạo (từ Đài Loan truyền vào) cũng xuất hiện trong cộng đồng người Hoa, số lượng tăng nhanh, bên cạnh cộng đồng người Hoa theo Công giáo và đạo Tin Lành.

Trước tình hình trên, dù chính quyền địa phương có nhiều chủ trương, chính sách trợ giúp đời sống các tộc người thiểu số, tránh hiện tượng truyền đạo trái phép, thông qua vật chất để lôi kéo người dân theo đạo lạ, song vẫn lúng túng trước các hiện tượng tín ngưỡng tôn giáo mới xuất hiện trong các cộng đồng người ở khu vực Tây Nam Bộ. Việc đánh giá và điều chỉnh chính sách tôn giáo tín ngưỡng trong các cộng đồng, đặc biệt trong cộng đồng người thiểu số, còn chưa phù hợp với thực tế chuyển đổi tôn giáo hiện nay.

Những biến đổi kinh tế mạnh mẽ ở khu vực Tây Nam Bộ đang dẫn đến những biến đổi môi trường, xã hội, văn hóa, đặc biệt trong lĩnh vực tín ngưỡng tôn giáo, vừa là cơ hội vừa là thách thức cho sự ổn định và khối đoàn kết dân tộc, tôn giáo.

Do chưa có sự nghiên cứu đầy đủ, chưa có những đánh giá khách quan về tác động của tôn giáo trong các dân tộc thiểu số ở Tây Nam Bộ, nhất là khuynh hướng phát triển của tôn giáo mới, các nhà quản lý thường quy các hiện tượng, tín ngưỡng tôn giáo mới là nằm ngoài khuôn khổ của pháp luật, nên thường sử dụng biện pháp ngăn cấm hơn là tìm kiếm xây dựng.

Đời sống chính trị, kinh tế văn hóa xã hội ở khu vực Tây Nam Bộ đang có chuyển biến mạnh mẽ, kéo theo sự phân tầng xã hội. Sự phân cực giàu nghèo vẫn diễn ra dù nhà nước đã có chính sách xóa đói giảm nghèo và đầu tư kinh tế cho các vùng đặc biệt khó khăn. Trong điều kiện đất nước ngày càng hội nhập quốc tế sâu rộng trên hầu hết các bình diện, trong đó có tôn giáo, thì tác động tôn giáo từ bên ngoài và những hạn chế xã hội mới phát sinh ở bên trong là mảnh đất để tín ngưỡng, tôn giáo hình thành và biến đổi.

Trong giao lưu hợp tác quốc tế, các tôn giáo từ nước ngoài truyền vào, dẫn đến một hiện tượng là không gian tôn giáo ở khu vực Tây Nam Bộ trở nên đa phức, không gian của các tôn giáo chính của một dân tộc bị chia tách. Như dân tộc Khmer, quá trình chuyển đổi tôn giáo không chỉ diễn ra ở Phật giáo Nam tông, mà còn giữa đạo này sang đạo khác. Năm 2010, theo thống kê của Ủy ban Dân tộc 13 tỉnh Tây Nam Bộ, có 88% người Khmer theo Phật giáo Nam tông, còn lại theo các đạo khác, hoặc không theo đạo. Sự phong phú của bộ mặt tôn giáo còn bởi sự xuất hiện của nhiều tôn giáo và tổ chức tôn giáo được công nhận và chưa công nhận. Sự đa dạng của tổ chức tôn giáo đan xen cùng với những quy định đời sống tâm linh đã tạo nên mạng lưới liên kết tôn giáo chằng chịt giữa các cộng đồng trong một dân tộc, và trước đây là theo chung một tôn giáo. Ví dụ, cộng đồng Islam giáo của người Chăm ở khu vực Tây Nam Bộ vốn là một cộng đồng chặt chẽ về tôn giáo trước đây, giờ một bộ phận người Chăm tiếp xúc với bên ngoài nên đã sinh hoạt Islam giáo theo cách của người Arab, người Malaysia hay Indonesia.

Sự chuyển đổi tôn giáo kéo theo thay đổi lối sống tâm lý, tình cảm, sự phân chia xã hội, văn hóa, tín ngưỡng. Hiện tượng này đã và đang tạo nên sự chia rẽ trong nội bộ gia đình, dòng họ, nảy sinh định kiến

hoài nghi, giảm sút lòng tin vào sức mạnh cộng đồng và tín đồ dễ bị lôi kéo vào các hành vi đi ngược lại sự cố kết cộng đồng.

Thuật ngữ “cộng đồng dân tộc - tôn giáo” trước đây với chủ thể là dân tộc đóng vai trò tác động đến tôn giáo, thì nay dần chuyển đổi sang “cộng đồng tôn giáo - tộc người”, trong đó tôn giáo giữ vai trò chủ thể, chi phối tộc người. Vai trò văn hóa tộc người bị đẩy xuống hàng thứ, mờ nhạt để thay bằng yếu tố tôn giáo. Hệ thống tôn giáo chiếm vị trí ngự trị ở khu cư trú, trở nên có tổ chức qua ban chấp sự, ban quản trị, có nhiều quyền hành, có thể qua đạo lần át đời. Vai trò già làng, trưởng bản trước đây nhường chỗ cho các chức sắc tôn giáo và giáo cả. Đây là xu hướng đáng quan tâm.

Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 11 của Đảng nêu rõ: “Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng tôn giáo phù hợp với quan điểm của Đảng. Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo, chức sắc, tín đồ sống tốt đời đẹp đạo, tham gia đóng góp tích cực cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Quan tâm và tạo điều kiện cho các tổ chức tôn giáo sinh hoạt theo hiến chương, điều lệ của tổ chức tôn giáo đã được nhà nước công nhận, đúng quy định của pháp luật. Đồng thời chủ động phòng ngừa, kiên quyết đấu tranh với những hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để mê hoặc, chia rẽ, phá hoại khối đoàn kết dân tộc”³.

Để giá trị văn hóa đạo đức tốt đẹp của tôn giáo phát huy cần có những chính sách cụ thể phù hợp từng tôn giáo và từng lĩnh vực trong tôn giáo. Chính sách văn hóa cần giữ gìn, duy trì dòng mạch giá trị tôn giáo cho các thế hệ sau. Tín đồ là công dân có trách nhiệm bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc. Đạo đức tôn giáo cần phát huy những mặt tích cực, để giới tôn giáo (chức sắc, tín đồ) thực hiện nghĩa vụ kép sống “tốt đời, đẹp đạo”. Đối với các hiện tượng văn hóa tâm linh đang nổi lên hiện nay, cần có những nghiên cứu và ứng dụng thay vì phê phán một chiều.

Chính sách pháp luật tôn giáo cần tạo điều kiện cho các tổ chức tôn giáo sinh hoạt theo đúng quy định của hiến chương, điều lệ tôn giáo được nhà nước thừa nhận. Cải tiến việc xác nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức tôn giáo. Đây là công việc có ảnh hưởng tiên quyết để giảm bớt sự phát sinh những điểm nóng tôn giáo.

Công tác tôn giáo cần được đầu tư thiết thực hơn và có cách giải quyết mềm dẻo với hiện tượng tôn giáo mới. Nâng cao vai trò quản lý nhà nước về tôn giáo tại địa phương, cơ sở.

Để thể chế hóa đầy đủ các quan điểm của Đảng về tín ngưỡng, tôn giáo đảm bảo quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo, giải quyết nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo bằng pháp luật; đảm bảo quyền con người về tự do tín ngưỡng, tự do tôn giáo, phát huy các giá trị đạo đức tôn giáo tốt đẹp phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới, khuyến khích các tổ chức tôn giáo đã được nhà nước công nhận, các cá nhân tôn giáo tham gia thực hiện chủ trương xã hội hóa các hoạt động y tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, yêu cầu đặt ra là phải nghiên cứu sâu sắc về văn hóa tôn giáo và tác động của nó đến sự phát triển bền vững, cũng như các giải pháp để phát huy vai trò của văn hóa tôn giáo trong công cuộc đổi mới hiện nay.

Kết luận

Dưới tác động của xu thế toàn cầu hóa và những biến đổi mạnh mẽ về kinh tế xã hội, văn hóa, tôn giáo và tín ngưỡng cũng đang chịu những tác động mạnh và có sự chuyển đổi để vừa thích ứng vừa đáp ứng với đòi hỏi của bối cảnh mới. Tôn giáo được nhìn dưới góc độ văn hóa và phát triển, xem tôn giáo là nguồn lực cần được huy động, chuyển hóa sức mạnh tinh thần hướng vào phát triển bền vững xã hội. Điều này cũng xuất hiện tại khu vực Tây Nam Bộ, nơi mà sự đa dạng về tộc người, tôn giáo là một đặc trưng quan trọng để nhận diện về vùng đất này. Xác định những thách thức, cơ hội, triển vọng, vấn đề đặt ra cho việc quản lý tôn giáo phục vụ sự phát triển bền vững dưới góc nhìn chung giúp phác thảo các chỉ dấu để định hướng sự phát triển của tôn giáo. /.

CHÚ THÍCH:

- 1 Os. Guinness (2008), *The Case for Civility*, New York, Harper Collins: 38.
- 2 Miroslav Volf (2015), *Flourishing - New Haven*, Yale University Press: 38.
- 3 Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Thời đại, Hà Nội: 136.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Văn Bính (2004), *Văn hóa các dân tộc Tây Nam Bộ: Thực trạng và những vấn đề đặt ra*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Ngô Thị Chính, Tạ Long (2007), *Ảnh hưởng của các yếu tố tộc người tới phát triển kinh tế-xã hội của dân tộc Chăm ở Ninh Thuận và Bình Thuận*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. Trang điện tử Báo Nhân dân: <http://nhandan.com.vn/chinhtri/item/29115302-bao-cao-chinh-tri-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xi-tai-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-xii-cua-dang.html>
4. Đỗ Quang Hưng (2005), *Vấn đề tôn giáo trong cách mạng Việt Nam: Lý luận và thực tiễn*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
5. John Micklethwait & Adrian Wooldidge (2009), *God is Back*, New York, Penguin Press.
6. Miroslav Volf (2015), *Flourishing - New Haven*, Yale University Press.
7. Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 16/10/1990 của Bộ Chính trị khóa VI, “Về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới”.
8. Nghị quyết số 25/2003/NQ-TW, ngày 12/3/2003, của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX “Về công tác tôn giáo”.
9. Os. Guinness (2008), *The Case for Civility*, New York, Harper Collins.
10. Nguyễn Quang Thái, Ngô Thắng Lợi (chủ biên) (2007), *Phát triển bền vững ở Việt Nam: Thành tựu, cơ hội, thách thức và triển vọng*, Nxb. Lao động Xã hội, Hà Nội.
11. Viện Nghiên cứu Tôn giáo (2017), *Đổi thoại liên niềm tin tôn giáo và trách nhiệm xã hội*, Kỷ yếu Hội thảo, Hà Nội.

Abstract

RELIGION AND SUSTAINABLE DEVELOPMENT IN THE SOUTH WEST REGION

Tran Thi Thuy Ngoc

Institute of Philosophy, VASS

Trinh Thi Hang

Institute of Philosophy, VASS

Religions have been absorbed into the mind, regulated the behavior, lifestyle, morals of believers. Religions have influenced, marked on cultures in general, art in particular. Religious culture is present in the economic, political and social life; it contributes to social harmony, consensus, national unity, gender equality, promoting the development of the market economy, solving social security, humanitarian issue, environmental protection, etc,.. In this article, the authors focus on common trends of the development of religion in the world at present, point out its impacts on sustainable development in Vietnam, especially for the sustainable development of the Southwest region.

Keywords: Religion; sustainable development; Southwest; Vietnam.